|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 10** | | | |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **a** | **Giải thích hiện tượng chênh lệch thời gian giữa hai mùa nóng, lạnh trong năm. Phân tích mối liên hệ giữa hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ với chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời.** | **1,5** |
| ***\* Giải thích:*** |  |
| - Ở BBC mùa nóng dài hơn mùa lạnh. Ở NBC ngược lại. | 0,25 |
| - Do Trái Đất chuyển động tịnh tiến xung quanh Mặt Trời theo quĩ đạo hình elip nên khoảng cách tới Mặt Trời khác nhau từ đó ảnh hưởng đến tốc độ chuyển động của TĐ trên quĩ đạo (diễn giải) | 0,25 |
| ***\* Phân tích mối liên hệ:*** |  |
| - Xích đạo có gày đêm dài bằng nhau quanh năm, từ xích đạo về cực chênh lệch ngày đêm càng nhiều, vòng cực có 1 ngày toàn ngày hoặc toàn đêm, tại cực có 6 tháng ngày hoặc 6 tháng đêm | 0,25 |
| - Chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt trời là chuyển động không có thật của Mặt trời giữa 2 đường chí tuyến. | 0,25 |
| - Chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời làm thay đổi sự tương quan giữa đường phân chia sáng tối và trục bắc nam dẫn tới hiện tượng ngày đêm dài ngắn tại xích đạo, xích đạo về cực, vòng cực, cực (diễn giải) | 0,5 |
| **b** | **Phân tích sự khác nhau về chế độ mưa ở xích đạo và chí tuyến. Vì sao sự phân bố đất cũng tuân theo quy luật phân bố của khí hậu và sinh vật?** | **1,5** |
|  | ***\* Phân tích sự khác nhau về chế độ mưa ở xích đạo và chí tuyến:*** |  |
| - Xích đạo mưa lớn, quanh năm do tác động mạnh và thường xuyên của các nhân tố: ap thấp, gió, dải hội tụ, dòng biển nóng, hầu hết là đại dương, nhiệt độ cao | 0,5 |
| - Chí tuyến: mưa ít do tác động của áp cao, dòng biển lạnh phía tây, lục địa chiếm diện tích lớn. Mưa tập trung vào mùa hạ do hoạt động của gió mùa. | 0,5 |
| ***\* Phân bố đất tuân theo quy luật phân bố của khí hậu và sinh vật vì:*** |  |
| - Khí hậu: Ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến quá trình hình thành đất (diễn giải) | 0,25 |
| - Sinh vật: Đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất (diễn giải) | 0,25 |
| **2** | **a** | **Tại sao tỉ trọng lao động khu vực III của các nước đang phát triển tăng nhưng tốc độ còn chậm?** | **1,0** |
|  |  | - Tỉ trọng lao động trong khu vực III các nước đang phát triển tăng vì: |  |
| + Nhu cầu về dịch vụ tăng do mức sống, kinh tế phát triển….. | 0,25 |
| + Tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa các ngành kinh tế | 0,25 |
| - Tốc độ còn chậm vì: |  |
| + Dịch vụ chưa phát triển theo chiều sâu, chủ yếu là các ngành dịch vụ đơn giản ... | 0,25 |
| + Trình độ lao động còn chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiều ngành dịch vụ. | 0,25 |
| **b** | **Giải thích đặc điểm phân bố của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng trên thế giới** | **1,0** |
|  | - Phân bố rộng rãi trên thế giới do đáp ứng nhu cầu con người, tác động đến các ngành khác. | 0,25 |
| - Tập trung nhiều ở các nước đang phát triển do cần vốn ít, thu hồi vốn nhanh, sử dụng nhiều nguyên liệu, lao động, giải quyết việc làm, hướng đến xuất khẩu. | 0,25 |
| - Ở các nước đang phát triển chủ yếu phân bố các ngành đơn giản, ở các nước phát triển tập trung các ngành phức tạp về trình độ kĩ thuật. Do cơ cấu ngành đa dạng, phù hợp với điều kiện về nguyên liệu, vốn, khoa học kĩ thuật, trình độ lao động và nhu cầu thị trường khác nhau. | 0,25 |
| - Phân bố theo đặc thù từng phân ngành để ưu tiên gần vùng nguyên liệu hoặc thị trường để giảm chi phí vận chuyển. | 0,25 |
| **3** | **a** | **Giải thích tại sao hoạt động của Tín phong Bắc bán cầu ở nước ta không ổn định?** | **1,0** |
|  | Nước ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa nên gió mùa lấn át hoạt động của Tín phong nên thổi xen kẽ với gió mùa và chỉ tác động rõ rệt vào các thời kì chuyển tiếp giữa hai mùa gió khi gió mùa suy yếu. | 0,5 |
| - Hướng gió thay đổi (đông bắc, đông nam, …) và khác nhau giữa các khu vực do áp cao Tây Thái Bình Dương dịch chuyển vị trí, bị các áp theo mùa lấn át hoặc phá vỡ | 0,5 |
| **b** | **Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới sự phân hóa sông ngòi nước ta.** | **2,0** |
|  | - Sông ngòi nước ta có sự phân hóa do chịu tác động tổng hợp và đồng thời của nhiều nhân tố: cấu trúc địa chất - địa hình, khí hậu, thực vật, hồ đầm… | 0,25 |
| - Địa hình ảnh hưởng tới dòng chảy sông ngòi: |  |
| + Hướng nghiêng địa hình là hướng Tây Bắc – Đông Nam nên phần lớn sông ngòi nước ta đều đổ ra biển Đông (trừ sông Kì Cùng – Bằng Giang và một số sông ở Tây Nguyên như Xê Xan, Xrê-pốk). | 0,25 |
| + Cấu trúc địa hình ảnh hưởng tới hình dạng của sông như miền Bắc sông có dạng nan quạt… Hướng địa hình gồm 2 hướng chính là tây bắc – đông nam và vòng cung nên chi phối hướng của sông ngòi (dẫn chứng). | 0,5 |
| + Độ dốc ảnh hưởng tới tốc độ dòng chảy, sông chảy qua vùng có địa hình dốc thì tốc độ dòng chảy nhanh hơn, dòng chảy thẳng, lòng sông hẹp; còn sông chảy qua địa hình bằng phẳng thì tốc độ dòng chảy chậm, dòng chảy quanh co, uốn khúc. | 0,25 |
| - Khí hậu: tác động tới tới sự phân hóa chế độ nước (tổng lượng nước, sự phân mùa lũ – cạn) (diễn giải) | 0,5 |
| - Các nhân tố khác: địa chất, thực vật | 0,25 |
| **4** | **a** | **Phân tích biểu đồ khí hậu của Đồng Hới và Nha Trang để làm rõ sự khác nhau về chế độ mưa của vùng khí hậu Bắc Trung Bộ và vùng khí hậu Nam Trung Bộ.** | **2,0** |
|  | - Tổng lượng mưa của Đồng Hới lớn hơn ở Nha Trang (dc) do ảnh hưởng của hoàn lưu và hướng địa hình (diễn giải). | 0,5 |
| - Chế độ mưa: |  |
| + Mùa mưa ở Đồng Hới dài hơn từ tháng VIII - I (6 tháng), ở Nha Trang từ tháng IX - XII (4 tháng). Nguyên nhân chủ yếu liên quan đến các nguyên nhân gây mưa lớn ở hai vùng khí hậu (diễn giải) | 0,5 |
| + Tháng mưa lớn nhất ở Đồng Hới là X, trong khi tháng có lượng mưa lớn nhất ở Nha Trang là tháng XI. Nguyên nhân liên quan đến sự lùi dần của dải hội tụ nhiệt đới, bão từ bắc vào nam. | 0,5 |
| - Chênh lệch mưa - khô: Đồng Hới chênh lệch mưa khô sâu sắc hơn Nha Trang (diễn giải) | 0,5 |
| **b** | **Tại sao Nam Bộ gần xích đạo hơn nhưng nhiệt độ trung bình tháng VII vẫn thấp hơn Bắc Trung Bộ?** | **1,0** |
|  | - Nam Bộ có nhiều mưa, xa thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh hơn. | 0,5 |
| - Bắc Trung Bộ chịu ảnh hưởng gió phơn Tây Nam khô nóng, gần thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh hơn. | 0,5 |
| **5** | **a** | **Chứng minh vấn đề việc làm của nước ta chịu tác động của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.** | **1,5** |
|  | **-** Chuyển dịch theo ngành: Phát triển công nghiệp và dịch vụ, nhất là các ngành cần nhiều lao động ở thành thị tạo ra nhiều việc làm mới, làm giảm tỉ lệ thất nghiệp. Đưa nông nghiệp từ tự cung, tự cấp lên sản xuất hàng hóa, tạo những công việc gắn với máy móc NN...(d/c) | 0,5 |
| - Chuyển dịch khu vực kinh tế: Tạo nhiều việc làm mới, thúc đẩy các ngành kinh tế ngoài nhà nước phát triển, tạo các công việc thu nhập cao, đòi hỏi nhiều chất xám...(d/c) | 0,5 |
| - Chuyển dịch theo lãnh thổ: Đa dạng hóa kinh tế nông thôn, giải quyết một phần vấn đề việc làm ở nông thôn. Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ song song với việc phân bố lại dân cưvà nguồn lao động giữa các vùng, góp phần tạo việc làm và nâng cao năng suất lao động...(d/c) | 0,5 |
| **b** | **Giải thích tại sao năng suất lao động xã hội nước ta thấp?** | **1,5** |
|  | - Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, điểm xuất phát của nền kinh tế thấp. | 0,25 |
| - Tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng. | 0,25 |
| - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực nhưng còn chậm. | 0,25 |
| - Máy móc, thiết bị và quy trình công nghệ còn lạc hậu. | 0,25 |
| - Chất lượng nguồn nhân lực hạn chế. | 0,25 |
| - Quá trình đô thị hoá diễn ra còn chậm, hiệu quả sử dụng nguồn lực hạn chế, chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ ... | 0,25 |
| **6** | **a** | **Trình bày và giải thích sự phân hoá lãnh thổ của ngành công nghiệp điện ở nước ta.** | **2,0** |
|  | - Khu vực phát triển mạnh nhất là vùng Đông Nam Bộ và vùng TDMNBB. |  |
| + Vùng ĐNB: tập trung nhiều nhà máy điện gồm cả thủy điện và nhiệt điện, tiêu biểu có nhà máy Tuocbin khí Phú Mỹ công suất lơn nhất cả nước 4000MW.....; có đường dây tải điện 500KV đi qua và trạm biến áp 500KV, nhiều trạm biến áp 220KV... | 0,25 |
| NN: Có nguồn nguyên liệu khí tự nhiên từ thềm lục địa và trữ năng thủy điện lớn trên sông Đồng Nai (thứ 2 cả nước) | 0,25 |
| + Vùng TDMNBB: tập trung nhiều nhà máy thủy điện công suất lớn nhất cả nước và một số nhà máy nhiệt điện, có đường dây tải điện 500KV đi qua và trạm biến áp 500KV, nhiều trạm biến áp 220KV (dc..). | 0,25 |
| NN: Có trữ năng thủy điện lớn nhất cả nước tập trung trên hệ thống sông Hồng (1/3 cả nước) và nguồn than dồi dào | 0,25 |
| - Khu vực có ngành điện lực phát triển khá là Tây Nguyên, Đồng bằng sông Hồng và ĐB sông Cửu Long. | 0,25 |
| NN: có một số bậc thang thủy điện vừa và nhỏ trên các hệ thống sông ở Tây Nguyên, tiềm năng khí tự nhiên ở ĐBSCL và than đá từ khu vực Đông Bắc đưa xuống đồng bằng sông Hồng | 0,25 |
| - Khu vực kém phát triển nhất là vùng BTB và DHNTB chủ yếu là thủy điện quy mô vừa và nhỏ, không có nhiệt điện (dc...) | 0,25 |
| NN: Chỉ có trữ năng thủy điện nhỏ trên các sông nhỏ, ngắn, dốc.. | 0,25 |
| **b** | **Tại sao trong phát triển các vùng chuyên canh, chuyên môn hóa nông nghiệp của nước ta phải gắn liền với công nghiệp chế biến?** | **1,0** |
|  | - Thông qua chế biến làm tăng giá trị nông phẩm, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước, giúp nông sản có khả năng vận chuyển xa hơn, bảo quản tốt hơn, tăng chất lượng của sản phầm. | 0,5 |
| - Chế biến tại chỗ giúp giảm cước phí vận chuyển, hạ giá thành sản phẩm tạo điều kiện để nông sản mở rộng thị trường… | 0,5 |
| **7** | **a** | **Tính tốc độ tăng trưởng tổng diện tích cây công nghiệp, cây công nghiệp hàng năm, cây công nghiệp lâu năm** | **1,0** |
|  | *(Đơn vị: %)*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **2010** | **2014** | **2015** | **2017** | | Cây công nghiệp hàng năm | 100 | 89,0 | 84,8 | 76,7 | | Cây công nghiệp lâu năm | 100 | 106,1 | 107,2 | 110,4 | | Tổng số | 100 | 101,3 | 100,8 | 100,8 | |  |
| **b** | **Nhận xét và giải thích tốc độ tăng trưởng của cây công nghiệp hàng năm và lâu năm.** | **2,0** |
|  | ***\* Nhận xét:*** |  |
| - Tốc độ tăng trưởng diện tích cây công nghiệp hàng năm có xu hướng giảm (dẫn chứng) | 0,5 |
| - Tốc độ tăng trưởng diện tích cây công nghiệp lâu năm có xu hướng tăng liên tục (dẫn chứng) | 0,5 |
| ***\* Giải thích:*** |  |
| - Tốc độ tăng trưởng diện tích cây công nghiệp hàng năm giảm do:  + Chủ yếu trồng ở đồng bằng nên diện tích đất đai hạn chế, bị ảnh hưởng của đô thị hóa.  + Giá trị kinh tế không cao, thị trường biến động. | 0,5 |
| - Tốc độ tăng trưởng diện tích cây công nghiệp lâu năm có xu hướng tăng liên tục do:  + Được trồng chủ yếu đồi núi còn nhiều khả năng mở rộng.  + Có giá trị kinh tế cao, thị trường lớn (cả trong, ngoài nước). | 0,5 |